

GIỐNG LÚA CHAMPA TRONG LỊCH SỬ NÔNG NGHIỆP NHẬT BẢN ^(*)

NGUYỄN HỮU MẠNH*

1. Dẫn luận

Nguồn tư liệu thư tịch Việt Nam, Trung Hoa, bia ký Champa và kết quả khai quật khảo cổ học gần đây cho thấy cư dân Champa sinh sống trên dải đất miền Trung Việt Nam đã canh tác và thu hoạch nhiều giống lúa khác nhau để phục vụ đời sống sinh hoạt. Mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, các cư dân Champa đều có những lai tạo giống, làm đất và tưới tiêu thích hợp để nâng cao năng suất, đặc biệt là có rất nhiều giống lúa ngắn ngày chín sớm (1). Dựa trên xem xét địa hình, diện tích các đồng bằng, thời tiết, khí hậu, Sox đề cập đến cơ cấu nông nghiệp Champa, trong đó lúa gạo là một trong những cây lương thực chính, chủ đạo (2). Điều này cho thấy, lúa gạo đóng vai trò quan trọng trong đời sống cư dân cổ Champa.

Từ lâu, chúng ta đã được nghe về tầm quan trọng của giống lúa Champa dưới thời nhà Tống. Nhưng những tư liệu gần đây còn cho thấy giống lúa Champa cũng có vai trò quan trọng trong lịch sử Đài Loan, Nhật Bản. Trương Văn Món cho biết lúa Champa còn được truyền đến Malaysia vào thế kỷ XVII, bây giờ người Malaysia vẫn còn gọi giống lúa ngắn ngày là Padi Cepa (lúa Champa) (3). Lúa Champa là loại lúa có tên khoa học là *Oryza sativa indica var, Spontanea* hoặc

Perennis; trong tiếng Nhật gọi là Akagome, Daitômai, Tôboshi, Daito-Ine (4).

Barker cho rằng các giống lúa Champa thuộc một phân nhóm của nhóm *aus*. Nhóm *aus* có đặc điểm của cả *indica* (hạt dài) và *japonica* (hạt bầu, tròn) và có nguồn gốc từ các vùng đồi của miền Đông Ấn Độ, Bangladesh, và Myanmar (5). Vương quốc Champa chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa Ấn Độ, cho nên có lẽ giống lúa Champa phải được phổ biến từ các vùng đồi núi ở tiểu lục địa Ấn Độ sau đó lan truyền tới miền Trung Việt Nam.

Những kết quả phân tích gần đây cho thấy các giống lúa Champa thuộc nhóm *indica* (6). Phân tích trình tự gen và kiểm tra đặc điểm hình thái của các giống lúa có tên gọi liên quan tới Champa ở Đài Loan đã xác nhận lại rằng, các biến thể lúa Champa chắc chắn có một số đặc điểm vượt trội: chúng chín sớm và có thể trồng ít nhất hai lần trong năm ở các vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới, có khả năng chống lại các tác nhân gây hại cho cây trồng như bệnh đạo ôn, hạn hán và đất nhiễm mặn (7). Wang cho rằng từ thế kỷ VI, nhiều giống lúa *indica* đã được trồng rộng rãi ở Đông Nam Á, trong đó có Champa ở miền Trung Việt Nam (8).

Sharma và Totman cũng cho rằng giống lúa Champa là một giống lúa Đông Nam Á

*TS. Khoa Lịch sử, Trường ĐH KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội

với đặc trưng là hạt dài, nổi tiếng với nhiều đặc trưng nổi bật, trong đó khả năng kháng sâu bệnh và côn trùng, khả năng chịu hạn, chịu ngập úng tốt hơn so với lúa bản địa, đặc biệt là ngăn ngày và không nhạy cảm với ánh sáng mặt trời (9).

Chúng tôi không biết các tác giả như Totman, Wu dựa vào đâu để có thể khẳng định các giống lúa trồng hiện nay mà họ dùng trong phân tích là những giống lúa Champa (10). Nếu chỉ dựa trên tên gọi có liên quan tới Champa, thì rất có thể dẫn tới những sai lệch sau hàng nghìn năm lịch sử đã diễn ra quá trình lai tạo giữa các giống lúa. Nhưng các địa điểm khảo cổ học ở miền Trung Việt Nam đã phát hiện rất nhiều bằng chứng về lúa gạo Champa trong gạch, ngói, khuôn đúc như ở: Trà Kiệu, Mỹ Sơn, Khuông Mỹ, Đồng Dương (Quảng Nam), Dương Long, Thủ Thiện (Bình Định)... Đây là những bằng chứng xác đáng nhất cung cấp cho chúng ta tư liệu khi tìm hiểu về lúa gạo Champa.

Khi quan sát bằng mắt thường về những phát hiện gạo hóa than trong các kho chứa lúa gạo quan trọng gần đây được khai quật ở Gò Cẩm và Triền Tranh (Duy Xuyên, Quảng Nam) cho ta thấy lúa gạo Champa có nhiều hình dạng khác nhau: hạt tròn, hạt bầu và hạt dài; trong đó phần lớn là thuộc dạng hạt bầu, hạt tròn. Điều này là khác biệt với những công bố của các học giả quốc tế trong nghiên cứu lúa gạo Champa khi họ cho rằng lúa gạo Champa chỉ thuộc giống *indica* (hạt dài). Có thể, ở Champa có nhiều giống lúa khác nhau bao gồm cả *indica* và *japonica* với những đặc trưng khác nhau về hình dạng và đặc tính chứ không chỉ bao gồm một giống lúa hạt dài. Chỉ tiếc là, chúng ta chưa có những nghiên cứu khoa học chuyên sâu nhằm xác định các giống lúa Champa dựa trên kích thước và phân tích

các bằng chứng lúa gạo tại các địa điểm khảo cổ học ở miền Trung Việt Nam, đặc biệt là tại di tích Triền Tranh.

Trung Quốc được biết tới như một trong những trung tâm nông nghiệp sớm nhất trên thế giới. Ngày càng nhiều dữ liệu khảo cổ học cho thấy, lúa đã được thuần hóa bắt đầu ở trung lưu sông Hoàng Hà và sông Hoài khoảng 9.000 BP và trung lưu sông Trường Giang cũng vào khoảng 9.000-8.000 BP (11).

Cuốn sách *Ch'i-min yao-shu* (12), một tài liệu về nông nghiệp Trung Quốc vô cùng quý giá nêu rõ rằng cây lúa Trung Quốc bản địa cần ít nhất 150 ngày để thu hoạch sau khi được cấy từ vườn ươm vào ruộng (13). Chu kỳ dài như vậy khiến việc trồng lúa hai vụ trên một mảnh đất trở nên khó khăn. Hơn nữa, diện tích đồng bằng ngập nước có thể trồng lúa có diện tích hạn chế nên đến cuối thế kỷ X, lúa nước chỉ được trồng trong một khu vực hạn chế ở các thung lũng và đồng bằng của lưu vực sông Trường Giang (14).

Sự gia tăng dân số suốt thời nhà Đường (618-907) và thời Ngũ đại (908-960) dẫn đến nhu cầu cần phải mở rộng diện tích trồng lương thực trong giai đoạn đầu thời Tống. Cùng lúc đó, vai trò của các loại ngũ cốc cũng trải qua sự thay đổi đáng kể, lúa gạo trở nên ngày càng quan trọng và đạt được vị thế là cây lương thực chính ở Trung Quốc.

Có nhiều bằng chứng về nông nghiệp và tư liệu lịch sử cho thấy các giống lúa thời Tống rất đa dạng (15). Gemet thống kê rằng các giống lúa bản địa Trung Quốc bao gồm các giống lúa dài ngày, lúa chịu hạn, lúa cứng, lúa dẻo..., bao gồm cả nhiều giống lúa *indica* khác được trồng từ thời cổ đại (16). Chúng thường được trồng ở các vùng đất ngập nước và màu mỡ; cũng có một số giống lúa ngăn ngày bản địa, dù cho

chúng đóng vai trò ít quan trọng hơn so với các giống lúa dài ngày.

Hoàng đế Tống Chân Tông (trị vì 997-1022), người quan tâm sâu sắc đến nguồn cung ứng thực phẩm đã cho trồng giống lúa Champa ở Phúc Kiến năm 1011. Sự việc được nhà sử Shih Wen-ying ghi chép lại như sau: Hoàng đế Tống Chân Tông biết rằng lúa Champa có khả năng chịu hạn và đậu lăng xanh của Ấn Độ nổi tiếng với hạt to, cho năng suất cao. Cho nên, hoàng đế cử các vị sứ thần đặc biệt mang theo những vật phẩm quý nhằm mang về những hạt giống này. Từ Champa hai mươi *shih* (17) của hạt giống được mua mang về và kể từ đó đã được trồng gần như khắp mọi nơi. Khi những vụ mùa đầu tiên được thu hoạch vào mùa thu, nhà vua Tống Chân Tông gọi các quan đại thần thân cận của mình đến thưởng thức và sáng tác những bài thơ về gạo Champa và đậu lăng xanh Ấn Độ (18).

Lúa Champa, một giống lúa ngắn ngày và có khả năng kháng hạn cao đã góp phần giúp miền Đông Nam Trung Quốc vượt qua một đợt hạn hán, cứu giúp nhiều nông dân Trung Quốc thoát khỏi nạn đói. Sử liệu Trung Hoa cho biết, năm 1012, khi các khu vực hạ lưu sông Trường Giang và sông Hoài bị hạn hán, thời tiết nắng nóng, vô cùng khắc nghiệt bởi lâu ngày mà không có mưa. Hoàng đế Tống Chân Tông đã gửi các phái viên đặc biệt tới tỉnh Phúc Kiến để mua 30.000 giạ hạt giống lúa Champa phân phát cho nông dân vùng bị hạn hán. Để làm cho người nông dân quen thuộc với kỹ thuật canh tác giống lúa Champa này, triều đình đã phát hành tờ rơi hướng dẫn cách trồng giống lúa xa lạ này (19).

Giống lúa Champa du nhập vào Trung Quốc thời nhà Tống được đánh giá là một sự kiện “nổi tiếng và quan trọng nhất” (20). Sau năm 1012, trong nhiều thế kỷ, giống

lúa Champa đóng vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội của các vương triều Trung Hoa (21). Chỉ vài thập kỷ sau khi loại gạo này được giới thiệu, 70% lúa gạo được trồng ở tỉnh Giang Tây là lúa gạo Champa, và gần cuối thế kỷ, 80 đến 90% sản lượng lúa gạo là các biến thể cải tiến của giống Champa (22). Năm 1742, cuốn sách về nông nghiệp, Shoushitongkao đề cập đến việc có tổng cộng 3429 biến thể lúa được phân bố trên 16 tỉnh (223 huyện) ở Trung Quốc sau nhiều thế kỷ của việc chọn lọc sản xuất lúa giống (23), chắc chắn trong số đó có nhiều giống lúa hoặc biến thể của lúa Champa.

2. Sự du nhập giống lúa Champa vào Nhật Bản

Từ Trung Quốc, các giống lúa Champa du nhập vào Nhật Bản với vai trò của các đoàn thương nhân hoặc giới tăng lữ. Các nhà nghiên cứu trên thế giới từng tồn tại một cuộc tranh luận về thời điểm và cách thức mà giống lúa Champa đã du nhập vào Nhật Bản. Lúa Champa lần đầu tiên được ghi nhận tại Sanuki vào năm 1397 (24), tuy nhiên, nhiều nhà khoa học tin rằng các nhà sư hoặc những người từng đến Trung Quốc dưới thời Heian (794-1185) có lẽ đã truyền bá giống lúa này tới Kyoto. Nhận ra những lợi ích của nó, các trung tâm tôn giáo ở Kyoto và khu vực phía Tây của Nhật Bản đã khuyến khích việc trồng giống lúa này.

Có nhiều tài liệu ủng hộ nông dân Kinai là khu vực đầu tiên trồng lúa Champa trong lịch sử Nhật Bản, ít nhất một thế kỷ trước năm 1397. Các bài đồng ca tại Kinai có đề cập đến giống lúa này ngay từ thế kỷ XII. Tài liệu Trang viên Yano thuộc châu Harima [Records for Yano Estate in Harima] (tỉnh Hyogo ngày nay) cho thấy rằng người nông dân đã trồng giống lúa Champa ở đó vào đầu thế

kỷ XIV, làm gia tăng thêm sự ủng hộ về thuyết giống lúa này ban đầu được trồng đưa vào Kinai và sau đó lan tỏa về phía tây của quần đảo. Tuy nhiên, phía bắc Kyushu cũng có thể là một khu vực quan trọng có khả năng du nhập giống lúa Champa trong lịch sử Nhật Bản (25).

Tài liệu *Shinmin kangetsu shū* (Tập hướng dẫn nông nghiệp hàng tháng với thái độ thân dân) (26) thì đề cập đến một danh sách dài các loại cây trồng và thời điểm trồng chúng, trong đó có nhiều giống lúa (96 giống lúa), bao gồm: lúa nương, lúa Champa, lúa ngắn ngày, lúa dài ngày... Chỉ tính riêng giống lúa Champa đã có tám loại (trong đó, có loại gạo Champa màu đỏ), và tác giả hết lời ca ngợi về khả năng chống hạn, gió, và sâu bọ của các giống lúa này (27).

Hiện nay, chúng ta không rõ các giống lúa Champa được trồng ở Nhật Bản bao gồm những giống lúa gì. Tuy nhiên, so sánh tư liệu Trung Quốc chúng ta có tên gọi của một loạt các giống lúa có nguồn gốc từ Champa hoặc được lai tạo từ giống lúa gốc Champa được canh tác trong lịch sử nông nghiệp Trung Quốc, bao gồm: “Champa trắng”, “Champa đỏ”, “Champa năm mươi ngày” và “Champa bốn mươi ngày”, “Champa lạnh” hoặc “Champa mùa đông” (28). Tên gọi của những giống lúa này dựa trên đặc điểm nổi bật, ưu điểm vượt trội của chúng. Đồng thời, dựa trên giống lúa Champa, những người nông dân Trung Quốc đã lai tạo ra các giống lúa ngắn ngày mới giúp thu hoạch hai vụ mùa trong một năm.

Vân đài loại ngữ cho biết chi tiết hơn về các giống lúa Champa được trồng ở Trung Quốc và Việt Nam như lúa Thiên Minh (29); có lúa nếp không có lông, lúa tẻ có lông, lúa tẻ mà hạt nhỏ dài mà trắng có vị

ngọt mà thơm, lúa Tiễn Tử. Lúa trồng ở đất Mân có lúa Kim Thành (30), cũng có giống lúa không có lông mà hạt gạo thì nhỏ, có giống thì 60 ngày đã được gặt, có giống 100 ngày mới được gặt (31). Trong *Phủ biên tạp lục* (32) có liệt kê các giống lúa tẻ Chăm/Chiêm/Champa khác như: lúa Chiêm (33) ở xứ Thuận Hóa. Huyện Minh Linh có lúa Chiêm (34), lúa Chăm bạc (35), lúa Chăm xa, Chăm hót (36). Huyện Lệ Thủy có lúa Chiêm thông (37); Chăm hót (38).

Đặc biệt, Lê Quý Đôn cho biết, sách *Quảng chí* cho biết giống lúa Champa mà Hoàng đế Tống Chân Tông sai sứ sang Champa lấy rồi phân cho các đạo là lúa *Cải Hạ Bạch*. Giống lúa này tháng Giêng trồng rồi tháng 5 gặt. Gặt xong lúa rồi, để lại gốc, gốc lúa lại mọc lên, tháng 9 lúa lại chín nữa để gặt. Giống lúa này sách *Bổn thảo* gọi là lúa Tiên, Tiên ở đây có nghĩa là lúa chín sớm (39). Còn sách *Đạo phẩm* của Hoàng Tĩnh Tăng, người nhà Minh soạn lại cho rằng giống lúa “Nhà Tống sai sứ đến nước Chiêm Thành, lấy đồ trân bảo đổi lấy giống lúa ấy để cấp cho dân” lại là lúa Tiễn Tử. Lúa Tiễn Tử được chia thành hai loại: i. Lúa Hồng liên (sen hồng) là hạt to, lông màu hồng và đỏ, tháng 5 trồng, tháng 9 chín; ii. Lúa hạt nhỏ màu trắng, tháng 4 trồng, tháng 6 chín, gọi là lúa 60 ngày. Ngoài ra còn có lúa 80 ngày, lúa chín muộn hơn nữa gọi là lúa 100 ngày. “Những giống lúa này đều do nước Chiêm Thành đem đến [Trung Quốc], thật đã nhờ mưa và nắng mà thành hạt. Hạt gạo lúa này nấu cơm thì hơi cứng” (40). Có khả năng, những giống lúa Champa này là giống lúa đã được du nhập vào Nhật Bản và được người nông dân khu vực Kinai canh tác đầu tiên.

Với những ưu điểm vượt trội so với giống lúa bản địa, người nông dân Nhật Bản ngày càng ưa thích việc trồng giống lúa Champa.

Theo thống kê, vào những năm 1300, nó tạo ra 30% thu nhập của người nông dân ở Sanuki, và tại Yano, các nông dân đã trồng nó với tỷ lệ 1:6 so với gạo bản địa.

Tuy nhiên, giống lúa Champa cũng có nhiều nhược điểm, gạo Champa không ngon bằng gạo có nguồn gốc từ Nhật Bản, là giống lúa *Oryza Sativa Japonica*, do đó giá trị của nó là thấp hơn trên thị trường lúa gạo. Tài liệu Trang viên Yano thuộc châu Harima (tỉnh Hyogo) cũng cho thấy người nông dân thường xuyên mang gạo Champa ra bán tại các chợ, nơi nó được bán bằng khoảng 90% giá bán so với các gạo Nhật Bản khác (41).

Chất lượng của gạo Champa rõ ràng là không thể so sánh được với các giống lúa bản địa, điều này tương tự với những gì đã xảy ra tại Trung Quốc dưới thời Tống. Nông dân ở Tô Châu chuyên trồng giống lúa *jing* để bán ở các thành phố, giống lúa này có chất lượng tốt hơn so với gạo Champa. Sau đó, nông dân đã mua gạo Champa trên thị trường để trả thuế cho chính phủ. Dần tới, triều đình nhà Tống cũng ban hành luật lệ quy định yêu cầu thuế đất phải được trả bằng lúa *jing* ở đồng bằng sông Dương Tử, đồng thời áp đặt khoản phụ phí 10% nếu sử dụng lúa Champa thay thế (42). Tuy nhiên, do chất lượng không tốt của gạo Champa, nó không thể trở thành loại lương thực hàng đầu ở các vùng miền Nam Trung Quốc nơi có lượng mưa lớn, vấn đề hạn hán không quá cấp thiết (43).

Cũng bởi vì chất lượng gạo kém nên khi hệ thống tưới tiêu vượt trội được thiết lập vào thời kỳ Tokugawa, người nông dân sau đó đã chuyển đổi giống lúa Champa thành các giống lúa bản địa cho chất lượng ngon hơn, như đã xảy ra ở Kinai vào thế kỷ XVIII. Trong khi đó, ở đảo Honshu, chỉ có khu vực

Echigo và một số khu vực ven biển dọc theo Thái Bình Dương đến Sendai ở phía Bắc đã trở thành trung tâm cho việc trồng giống lúa Champa vào năm 1450 (44), còn các khu vực khác vẫn canh tác trồng giống lúa bản địa.

3. Vai trò quan trọng của lúa Champa trong lịch sử Nhật Bản

Nông nghiệp khó ghi nhận sự biến chuyển nhanh chóng nhưng việc du nhập, phát triển và ảnh hưởng mạnh mẽ của các giống lúa Champa ngăn ngày thích hợp với nhiều điều kiện tự nhiên khác nhau tạo nên một bước chuyển quan trọng trong đời sống, kinh tế, xã hội Nhật Bản cách đây gần 1.000 năm.

Mở rộng diện tích canh tác lúa nước

Với những ưu điểm vượt trội, giống lúa Champa sau khi du nhập vào Nhật Bản đã thúc đẩy quá trình khai phá các đồng bằng châu thổ hạ lưu của các con sông. Ở Nhật Bản, các con sông dốc, ngắn, lưu lượng dòng chảy cao vào mùa mưa lũ nên người nông dân canh tác lúa nước ở các khu vực bằng phẳng, ẩm ướt ở các vùng núi thấp. Đây là một đặc điểm khác biệt với Trung Quốc, khi người nông dân Trung Quốc ban đầu canh tác ở các đồng bằng châu thổ rồi mới mở rộng diện tích sang các vùng đồi, gò...

Trong khoảng từ năm 1300 đến 1450, từ khu vực trồng lúa Champa ban đầu ở - Kinai, giống Champa trở nên phổ biến ở các khu vực xung quanh và ngày càng đóng vai trò quan trọng ở phía Tây của Nhật Bản khi các nông dân ở đó bắt đầu phát triển các vùng đồng bằng màu mỡ. Đồng thời, giống lúa Champa đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển đồng bằng Takada ở tỉnh Echigo cũ (nay là tỉnh Niigata) (45). Farris cho biết diện tích đất nông nghiệp trồng lúa trong khu vực Kiyoshiki (tỉnh Satsuma) phát triển liên tục trong giai đoạn từ năm 1322 đến năm 1500, từ 61 *chō*

lên khoảng 192 *chô*, gấp ba lần diện tích canh tác ban đầu (46). Người nông dân ở đây đã có thể canh tác trên những đồng bằng trũng, thấp nhờ vào hệ thống tưới tiêu phát triển và cả việc trồng phổ biến giống lúa Champa.

Từ thế kỷ XIV đến thế kỷ XVIII, bằng việc phát triển các hệ thống tưới tiêu, sự phát triển của công nghệ, người nông dân Nhật Bản mới tập trung mở rộng khai phá đồng bằng màu mỡ hạ lưu của các dòng sông. Trong quá trình khai phá các vùng đồng bằng màu mỡ đó, giống lúa Champa có khả năng chịu ngập úng là một trong những nhân tố quan trọng thúc đẩy quá trình chiếm lĩnh các đồng bằng trù phú ở Nhật Bản, nhất là trong thế kỷ XIV. Các giống lúa Champa đã được trồng phổ biến, trên nhiều khu vực của quần đảo Nhật Bản vào những năm 1400 và nó tiếp tục được trồng ở hầu hết các vùng trong vương quốc cho đến thế kỷ XVIII (47).

Ngoài ra, diện tích trồng lúa cũng được mở rộng tới các vùng đồi gò, vùng đất cao nhờ vào hệ thống tưới tiêu phát triển. Trước tiên, những vùng đất đó trước đây chỉ dùng để trồng rừng, sau được chuyển đổi thành những cánh đồng trồng hoa màu và cuối cùng trở thành những cánh đồng lúa (48). Các khu vực mà khả năng cung cấp nước còn hạn chế được hỗ trợ bởi giống lúa Champa có khả năng kháng hạn vượt trội so với các giống lúa bản địa khác, ví dụ đất canh tác ở châu Yano rất khó tưới tiêu (49). Nhiều tư liệu cho thấy rằng người nông dân tại khu vực châu Yano này, một trong những khu vực đầu tiên trồng lúa Champa, đã bán lúa gạo Champa ra thị trường vào thế kỷ XV. Đây là minh chứng cho thấy giống lúa Champa đã góp phần cải tạo, mở rộng diện tích đất canh tác ở khu vực này. Tới thế kỷ XVIII,

khi mà hệ thống tưới tiêu ngày càng phát triển, người nông dân Nhật Bản quay trở lại trồng các giống lúa bản địa cho chất lượng gạo cao hơn, giống lúa Champa dần mất vai trò của mình.

Góp phần hạn chế hệ quả tiêu cực của “nạn đói mùa Xuân”

“Nạn đói mùa Xuân” là một thuật ngữ để chỉ tình trạng thiếu lương thực của nông dân Nhật Bản thời cổ trung đại. Đặc biệt, trong những năm thời tiết bất thường, nhiều bão, lụt, hạn hán mà vụ canh tác lúa chính không cho sản lượng cao, thậm chí gây ra nạn chết đói hay tình trạng suy dinh dưỡng cho người nông dân. Farris cho biết thời tiết bất thường và việc chưa phát triển hệ thống tưới tiêu đã góp phần hình thành nên các vụ mùa thất bát khoảng ba năm một lần và dẫn đến sự suy dinh dưỡng trong một phần lớn dân cư nông thôn Nhật Bản (50).

Với việc du nhập giống lúa Champa có khả năng cho thu hoạch từ khoảng 60 đến 100 ngày sau khi cấy đã giúp người nông dân Nhật Bản có thể trồng hai vụ lúa một năm. Thay vì trước đây chỉ có thể trồng lúa một vụ vào mùa Xuân - Hè, và trồng xen kẽ một vụ cây ngắn ngày vào mùa Thu - Đông, thì giờ đây trên cùng một mảnh đất, người nông dân có thể trồng hai vụ lúa. Việc trồng hai vụ lúa đem lại sản lượng lương thực gần như gấp đôi và so với các cây ngắn ngày trồng vào mùa đông thì giống lúa Champa có khả năng chịu lạnh cho sản lượng, giá trị dinh dưỡng cao hơn hẳn. Điều này góp phần tạo nên một biến chuyển quan trọng trong xã hội Nhật Bản: Người nông dân thoát khỏi tình trạng thiếu lương thực vào mùa Xuân - chấm dứt “nạn đói mùa Xuân”.

Tất nhiên, sự tiến bộ này hoàn toàn không phải diễn ra phổ biến trong xã hội

Nhật Bản vì ngay cả trong điều kiện thuận lợi nhất thì cũng chỉ có một phần nhỏ đất canh tác của Nhật Bản có thể sản xuất hơn một vụ trong một năm (51). Những khu vực có truyền thống và trồng phổ biến các giống lúa Champa như Takada (tỉnh Niigata), Kiyoshiki (tỉnh Satsuma), Yano (tỉnh Hyogo), đặc biệt là khu vực Kinai và các vùng xung quanh, người nông dân chắc chắn đã hưởng lợi từ việc canh tác hai vụ lúa trong một năm, góp phần làm giảm số lượng người chết đói trong “nạn đói mùa Xuân” (52).

Kinh tế nông nghiệp ở khu vực Kinai và các vùng xung quanh vững mạnh trong đó việc trồng các giống lúa Champa chỉ là một nguyên nhân. Ngoài ra, sự phát triển của kỹ thuật tưới tiêu trở nên hoàn thiện, phức tạp hơn rất nhiều tại Nhật Bản trong giai đoạn từ năm 1300 đến năm 1450 (53). Dân làng thu phí sử dụng nước trong canh tác lúa nước, thậm chí là thuê người giám sát để giúp quản lý tốt hơn việc sử dụng tài nguyên nước. Đến năm 1450, việc quản lý hệ thống tưới tiêu là rất phổ biến ở vùng Kinai và các khu vực lân cận. Đồng thời, sự phát triển của công nghệ (guồng nước, hệ thống tưới tiêu) giúp dẫn nước tới các khu vực khô hạn góp phần thúc đẩy người nông dân có thể thu hoạch được hai vụ lúa trong một năm (54).

Năm 1450 đánh dấu sự thay đổi mạnh mẽ trong lịch sử Nhật Bản. Nhiều tư liệu lịch sử cho thấy sự du nhập, phát triển của giống lúa Champa và sự thiết lập hệ thống tưới tiêu góp phần mở rộng diện tích đồng bằng canh tác lúa nước, tăng dân số một cách ổn định; trong nhiều khu vực, năng suất nông nghiệp đã đạt đến mức chưa từng có trước đây. Nhờ có giống lúa Champa, người nông dân chuyển từ canh tác lúa nương sang lúa nước, và góp phần định cư dân chúng. Tuy nhiên, những thay

đổi chưa đến với hầu hết các vùng của Nhật Bản, đặc biệt là phía Đông của Honshu và phía Nam của Kyushu (55).

Đồng thời, gạo Champa không ngon bằng các loại gạo bản địa thuộc giống *japonica* nên tầng lớp thượng lưu ít sử dụng. Do đó, người trồng các giống lúa Champa không phải chịu áp lực bị thu quá nhiều thuế đất, thuế thân trả bằng gạo Champa cho tầng lớp trên hàng năm. Đây cũng là điều thuận lợi, đảm bảo nguồn cung lương thực cho những người nông dân (56).

4. Một vài nhận xét bước đầu

Bài viết đã phác họa quá trình du nhập của giống lúa Champa vốn có nguồn gốc ở miền Trung Việt Nam vào Nhật Bản khoảng thế kỷ XII - XIII. Trong đó, nhấn mạnh Trung Quốc đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình thuần hóa, phát triển và lai tạo ra các giống lúa Champa, đặt nền tảng cho sự lan truyền của giống lúa này vào Nhật Bản.

Giống lúa Champa có những ưu điểm nổi bật như khả năng chịu hạn, chống ngập úng, chống sâu bệnh đã giúp người nông dân Nhật Bản thích ứng với các điều kiện thời tiết khắc nghiệt. Đồng thời, giống lúa Champa cũng có một số hạn chế, bao gồm chất lượng không tốt bằng các giống lúa bản địa và giá trị thấp hơn trên thị trường. Sự phát triển của hệ thống tưới tiêu trong thế kỷ XVIII, đã dẫn tới người nông dân Nhật Bản quay trở lại trồng các giống lúa bản địa, cho năng suất thấp hơn nhưng chất lượng tốt hơn và giảm sự phụ thuộc vào giống lúa Champa.

Tuy vậy, vai trò của giống lúa Champa trong lịch sử Nhật Bản là vô cùng quan trọng và có ảnh hưởng lớn đối với đời sống, kinh tế và xã hội của quốc gia này cách đây gần 1.000 năm. Giống lúa Champa thúc đẩy quá trình khai phá các đồng bằng châu

thổ ở Nhật Bản, đặc biệt là ở vùng hạ lưu của các con sông, điều này làm thay đổi cảnh quan nông nghiệp của Nhật Bản: “Lúa Champa trở thành một công cụ không thể thiếu, mở đường cho việc người Nhật Bản chinh phục, chiếm lĩnh các khu vực giàu có nhất của Nhật Bản - đồng bằng hạ lưu của các dòng sông” (57).

Sự phát triển của công nghệ tưới tiêu và quản lý tài nguyên nước không chỉ tạo điều kiện cho việc mở rộng diện tích canh tác lúa nước mà còn giúp người nông dân có thể thu hoạch hai vụ lúa mỗi năm. Các giống lúa ngắn ngày Champa cho phép người nông dân trồng hai vụ lúa trong một năm, giúp tăng cường nguồn lương thực và giảm thiểu tình trạng thiếu thốn lương thực vào mùa Xuân, được gọi là "nạn đói

mùa Xuân". Điều này cải thiện đáng kể tình hình dinh dưỡng và giảm tỷ lệ người chết đói của người dân, góp phần vào sự phát triển và ổn định kinh tế, xã hội ở nhiều vùng của Nhật Bản.

Giống lúa Champa cũng đã thúc đẩy sự chuyển đổi từ canh tác lúa nương sang trồng lúa nước, khai phá các vùng đất cao mà trước đây không thể trồng lúa, tạo điều kiện cho quá trình định cư dân chúng và mở đầu, là nền tảng cho quá trình đô thị hóa ở Nhật Bản thời trung đại. Quá trình này là một ví dụ điển hình về sự thành công dựa trên sự tương tác giữa con người và môi trường tự nhiên, và sự phát triển nông nghiệp có thể góp phần phát triển, thay đổi cảnh quan tự nhiên của một quốc gia.

CHÚ THÍCH

(*). Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài mã số QG.22.38.

(1). Trong thời sơ sử ở miền Trung Việt Nam, một vài dấu vết liên quan đến lúa gạo đã được phát hiện, đó là gạo cháy trong mộ chum và dấu vết vỏ trấu trên đồ đồng ở Lai Nghi (Điện Bàn, Quảng Nam); dấu vết vỏ trấu trên mảnh gốm chum Gò Miếu Ông (Duy Xuyên, Quảng Nam)... Di tích Gò Cẩm gần Trà Kiệu (Duy Xuyên, Quảng Nam) cũng phát hiện nhiều hạt gạo hoá than, dạng hạt tròn, hạt bầu, hạt dài...

(2). Sox, David: *Resource-use Systems of Ancient Champa*, MA Thesis, University of Hawaii, Hawaii, 1972, p. 86

(3). Trương Văn Món: *Văn hóa - Lịch sử Champa, tập 1, Từ vùng Indrapura, Amaravati đến Vijaya (thế kỷ II-XV)*, Nxb. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, 2023, tr. 272.

(4). Farris, William Wayne: *Japan's Medieval Population: Famine, Fertility, and Warfare in a Transformative Age*, University of Hawai'i Press,

Honolulu, 2006, p. 132; Sharma S. D.: *Rice: Origin Antiquity and History*, Science Publishers, Distributed by CRC Press, 2010, p. 168.

(5). Barker, R.: “The Origin and Spread of Early - Ripening Champa Rice: It's Impact on Song Dynasty China”, *Rice* (4), 2011, 184.

(6). Totman, Conrad: *Japan: An Environmental History*, I.B. Tauris, London, New York, 2019, p. 126.

(7). Wu, Cheng-Chieh, Lin-Tzu Huang, Yuan-Ching Tsai, Ha Thi Quynh, Nguyen Quoc Trung, Dong-Hong Wu, and Yue-ie Hsing: “Impact of the Early-Ripening Champa Rice - Are They Aus?”, *10.21203/rs.3.rs-76113/v1*, 2020, p. 2.

(8). Wang, Zuoyue: “The Chinese Developmental State during the Cold War: The Making of the 1956 Twelve - Year Science and Technology Plan”, *History and Technology*, 31, no. 3, 2015, p. 197.

(9). Sharma S. D.: *Rice: Origin Antiquity and History*, sđd, p. 100; Totman, Conrad: *Japan: An Environmental History*, I.B. Tauris, London, New York, 2019, p. 126.

- (10). Totman, Conrad: *Japan: An Environmental History*, sdd; Wu, Cheng-Chieh, Lin-Tzu Huang, Yuan-Ching Tsai, Ha Thi Quynh, Nguyen Quoc Trung, Dong-Hong Wu, and Yue-ie Hsing: "Impact of the Early-Ripening Champa Rice - Are They Aus?", sdd.
- (11). Yasuda, Y.: "Origins of pottery and agriculture in East Asia", in *The origins of pottery and agriculture*, Roli Books, New Delhi, 2002, pp. 119-142; Bellwood, P.: *First Farmers*, Blackwell Book, Oxford, 2005, 111; Zhang, C. & Hung, H-C.: "The Neolithic of southern China - origin, development and dispersal", *Asian Perspectives*, 47 (2), 2008, pp. 299-329; Fuller, D.Q., L. Qin, Y. Zheng, Z. Zhao, X. Chen, L.A. Hosoya & G.P. Sun.: "The domestication process and domestication rate in rice: spikelet bases from the Lower Yangtze", *Science* (323), 2009, pp. 1607, 1610.
- (12). Cuốn *Ch'i-min yao-shu* (Kỹ năng Cần thiết cho Nhân dân) là bộ bách khoa nông nghiệp sớm nhất, toàn diện nhất và được bảo tồn tốt nhất của Trung Quốc. Nó được viết vào thế kỷ thứ 6, có lẽ vào giai đoạn từ năm 533 đến 544, bởi Chia Ssu-hsieh, một quan chức địa phương thuộc tỉnh Hà Bắc ngày nay trong giai đoạn cuối triều đại Bắc Ngụy (368-534). Một số tác phẩm của ông đã được in dưới thời nhà Tống và Minh, bao gồm cả một cuốn sách đã được tìm thấy ở Nhật Bản. Toàn bộ tác phẩm bằng tiếng Trung với nhiều ghi chú đã được Peking Science Press xuất bản bởi Shih, Sheng-han, Giáo sư Thực vật học ở Học viện Nông nghiệp Tây Bắc (tỉnh Sơn Tây). Ông cũng cho xuất bản một phiên bản bằng tiếng Anh mang tên *A Preliminary Survey of the Book Ch'i Min Yao Shu: An Agricultural Encyclopedia of the 6th Century* (dẫn theo Miles, Robert M.: "Ch'i-Min Yao-Shu and the delineation of traditional Chinese rice technology", *Towson State Journal of International Affairs*, Vol. XI, No. 1, 1976, p. 43).
- (13). Shih, Sheng-han: *A Preliminary Survey of the Book Ch'i Min Yao Shu: An Agricultural Encyclopedia of the 6th Century*, Science Press: Distributed by China Publications Centre, Peking, 1962.
- (14). Ho, Ping-ti: *Studies on the Population of China, 1368-1953*, Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts, 1959, p. 170.
- (15). Anderson, E. N.: *The Food of China*, Yale University Press, New Haven, 1988, p. 65.
- (16). Wang, Zuoyue: "The Chinese Developmental State during the Cold War", sdd, p. 97.
- (17). Đơn vị đo lường thời Tống tương đương với 67 lít.
- (18). Ho, Ping-ti: *Studies on the Population of China, 1368-1953*, sdd, pp. 200-218.
- (19). Ho, Ping-ti: *Studies on the Population of China, 1368-1953*, sdd, pp.170.
- (20). Anderson, E. N.: *The Food of China*, sdd, 63. Tuy nhiên, vẫn có những tranh luận về vai trò của giống lúa Champa trong lịch sử Trung Quốc. Osawa đã liệt kê bốn sai lầm trong giả thuyết "cách mạng nông nghiệp thời Tống", bao gồm: (1) sự mở rộng diện tích đất nông nghiệp; (2) giống lúa Champa được giới thiệu và trồng rộng rãi, dẫn đến khả năng trồng lúa hai vụ trong đó có trồng lúa vụ đông; (3) sự tăng trưởng dân số và việc tăng thuế lương thực là hệ quả của việc phát triển nông nghiệp; và (4) công nghệ trong sản xuất nông nghiệp tiến bộ nhanh chóng. Osawa đưa ra các bằng chứng nhằm bác bỏ những giả thuyết này và kết luận rằng cái gọi là cách mạng nông nghiệp thời Tống là "ảo tưởng" (dẫn theo Osawa, Masaaki: *To So henkakuki nogyo shakaishi kenkyu* 唐宋變革期農業社會史研究, Kyuko Shoin, Tokyo, 1996, pp. 236-249; Bozhong, Li.: "Was There a 'Fourteenth-Century Turning Point'? Population, Land, Technology, and Farm Management", in *The Song-Yuan-Ming Transition in Chinese History*, Harvard University Asia Center, Leiden, The Netherlands, 2003, p. 173).
- (21). Barker, R.: "The Origin and Spread of Ear...", sdd, 184-186; McNeill, John Robert and Mauldin, Erin Stewart: *A Companion to Global*

Environmental History, Wiley-Blackwell, Chichester, West Sussex, 2012, p. 42.

(22). Kuhn, Dieter: *The Age of Confucian Rule: The Song Transformation of China*, Belknap Press of Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts, 2011, p. 217; Xiong, Victor Cunrui, and Hammond, Kenneth James: *Routledge Handbook of Imperial Chinese History*, Routledge Taylor & Francis Group, Abingdon Oxon, 2019, p. 191.

(23). Sharma S. D.: *Rice: Origin Antiquity and History*, sdd, p. 100.

(24), (25), (27). Farris, William Wayne: *Japan's Medieval Population...*, sdd, p. 132, 132, 226.

(26). Cuốn sách *Shinmin-kangetsu-syu* 親民鑑 月集 được trích dẫn trong tập 7 của tập sách *Seiryōki* 清良記, chủ yếu lấy bối cảnh xã hội Nhật Bản thế kỷ 16, tài liệu thường được biết đến với tên gọi “Bài giảng nông nghiệp đầu tiên của Nhật Bản” (dẫn theo Shirai, Yuko, Stephen J. Leisz, and Kazutake Kyuma: “A Short History of the Utilization of Nightsoil in Agriculture”, Sanitation, advpub, 2022).

(28). Ho, Ping-ti: *Studies on the Population of China, 1368-1953*, sdd, pp. 172-174.

(29). Lúa chín vào mùa ve kều, trồng được 63 ngày thì lúa chín.

(30). Hạt gạo nhọn màu hồng mà cứng, tháng 4 trồng, tháng 7 chín.

(31), (39), (40). Lê Quý Đôn, *Văn đài loại ngữ*, Tủ sách cổ văn Ủy ban Dịch thuật Phủ Quốc vụ đặc trách Văn hóa, Sài Gòn, 1973, tr. 243-244, 242-243, 244.

(32). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007, tr. 438-439, 441.

(33). Hạt to mà đỏ tháng 11 cấy, tháng 3 gặt.

(34). Gạo đỏ thơm dẻo, rất mau chín, tháng 11 cấy, tháng 2 chín.

(35). Hợp với đất thấp, thóc vàng gạo trắng.

(36). Cả hai giống này thóc gạo đều vàng, tháng 5 sau tết Đoan Ngọ thì cấy, tháng 8 gặt.

(37). Thóc gạo đều trắng, hạt nhỏ, hợp với ruộng cát, tháng 11 cấy, tháng 4 chín.

(38). Lại có tên là Bát Nguyệt, thóc đỏ gạo trắng, hạt nhỏ, ruộng bùn, ruộng cát đều cấy được, cơm dẻo, tháng 3 gieo mạ, tháng 5-6 cấy, tháng 8 chín.

(41). Farris, William Wayne: *Japan's Medieval Population...*, sdd, pp. 132-133, 226. Nông dân ở vùng đồng bằng sông Dương Tử (Trung Quốc) cũng trồng lúa chất lượng cao để bán trên thị trường, sau đó mua lúa Champa rẻ hơn để ăn (dẫn theo Xiong, Victor Cunrui, and Hammond, Kenneth James: *Routledge Handbook of Imperial Chinese History*, sdd, p. 204).

(42). Rawski, Evelyn Sakakida: *Agricultural change and the peasant economy of South China*, Harvard University Press, Cambridge, Massachusetts, 1972, pp. 40-52.

(43). Spengler, Robert N.: *Fruit From the Sands: The Silk Road Origins of the Foods We Eat*, University of California Press, Oakland, California, 2019.

(44), (45), (46), (48), (49), (50), (54), (55), (57). Farris, William Wayne: *Japan's Medieval Population...*, sdd, p. 133, 133, 222-223, 222-223, 148, 139-140, 136, 141-142, 133.

(47), (56). Totman, Conrad: *Japan: An Environmental History*, sdd, p. 126, 126.

(51). Lúa Champa thịnh hành ở phía Bắc Kyushu nhưng không có việc canh tác hai vụ một năm. Đến năm 1884, chỉ khoảng 45% diện tích ruộng lúa ở vùng Kinai và khu vực phía Tây trồng được hai vụ lúa, còn ở phía Bắc, chỉ có khoảng 15% diện tích là trồng được hai vụ lúa (dẫn theo Totman, Conrad: *Japan: An Environmental History*, sdd, p. 186).

(52). Farris, William Wayne: *Japan's Medieval Population...*, sdd, pp. 160-161, 265; Totman, Conrad: *Japan: An Environmental History*, sdd, 186.

(53). Dù cho các quy định đã xuất hiện từ khoảng những năm 1200, nhưng đến giai đoạn này, các quy định của dân làng về sử dụng nguồn nước, sửa chữa, xây mới các kênh dẫn nước tưới tiêu mới trở nên phổ biến ở Nhật Bản.